CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Ngày 30/06/2025	2,630 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.7%	-	-

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,340 - 3,940
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,035
Số lượng CPLH (CP)	393,532,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	660,585
Sở hữu nước ngoài	3.8%
Beta	1.02
EPS	60
P/E	44.0

DT thuần
Q2/25
237
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 58.0| 32.6%
YoY: ▼139| -36.9%

LN thuần
Q2/25
27.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 79.4| 152%
YoY: ▲ 37.2| 365%

LN sau thuế
Q2/25
3.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.62| 102%
YoY: ▲ 14.7| 128%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
14.3%
YoY: +/-▲ 4.3%

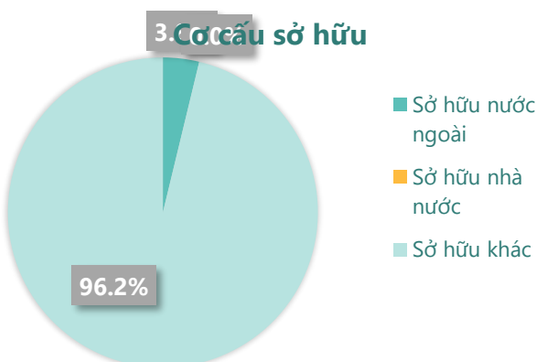
ROE (TTM)
Q2/25
7.2%
YoY: +/-▲ 3.6%

DT thuần
6T 2025
416
tỷ VNĐ
YoY: ▼283| -40.5%

LN thuần
6T 2025
-25.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.7| -2062%

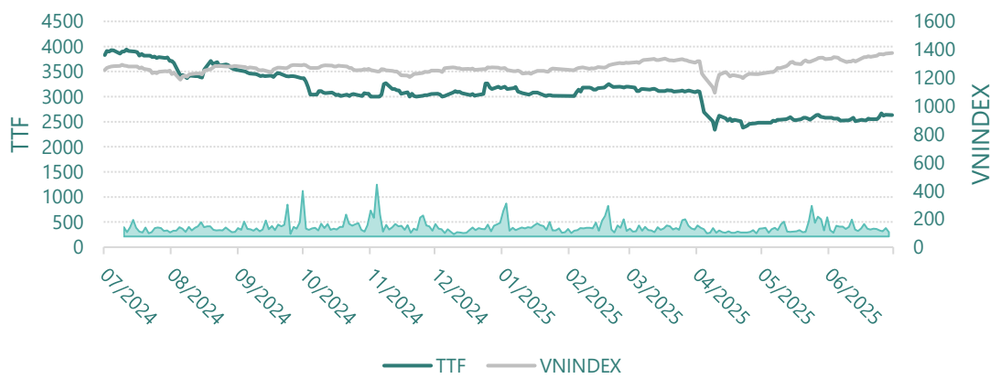
LN sau thuế
6T 2025
4.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.66| 3830%

Cơ cấu sở hữu

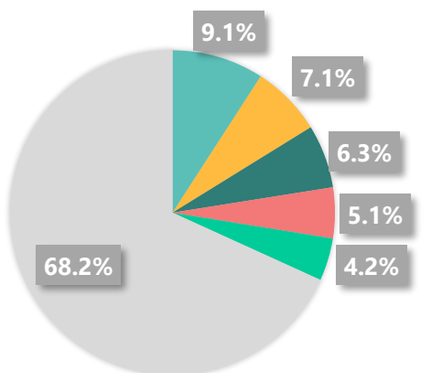


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

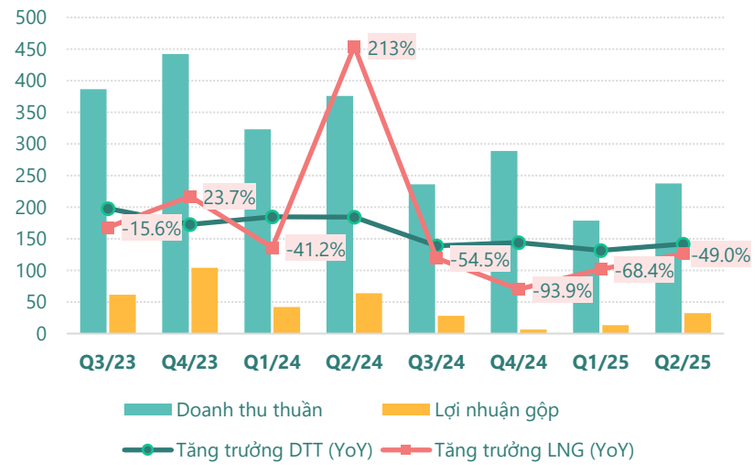


- Đinh Thị Kim Dung
- CTCP Xây dựng U&I
- Võ Đình Ngọc
- Excelsior Oak Ltd
- Công ty TNHH Sản xuất xây dựng Thương mại Đồng Tâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

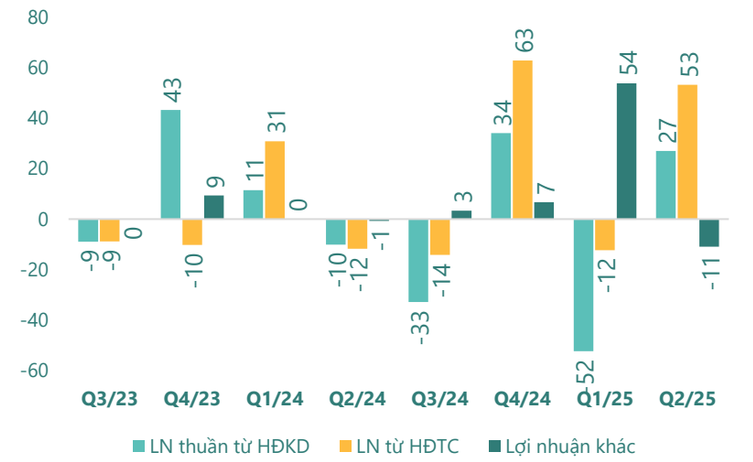
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



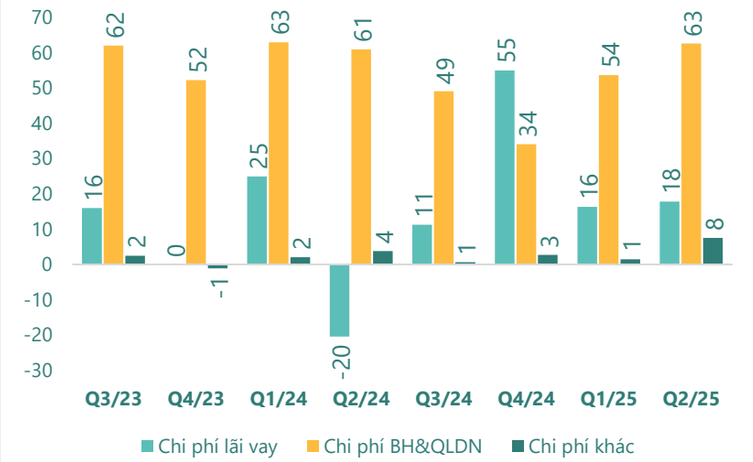
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



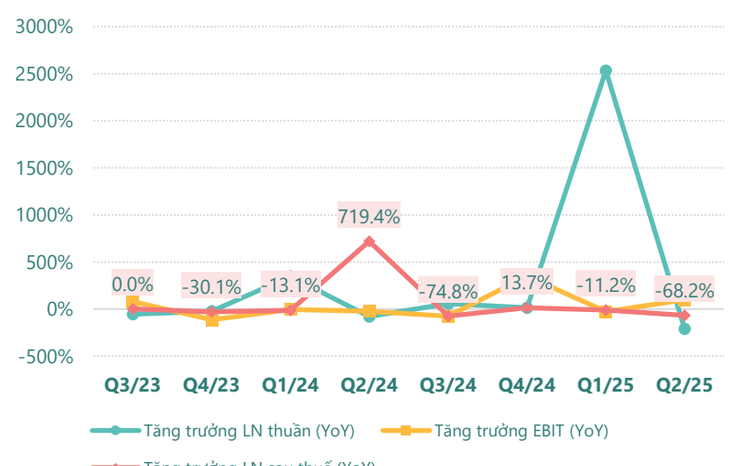
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



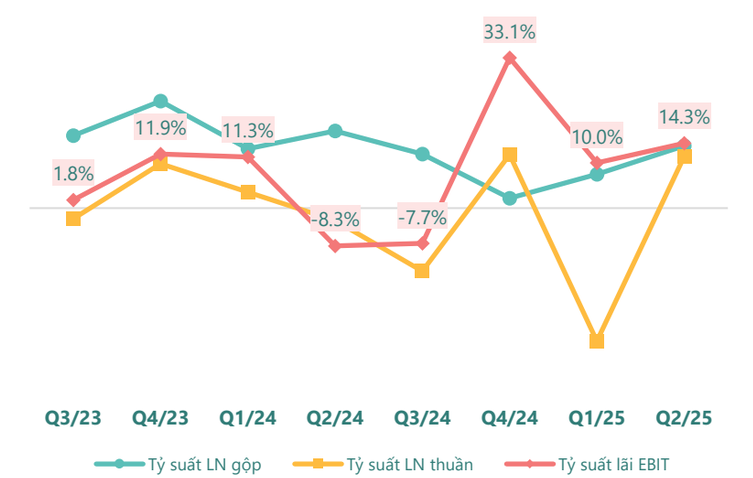
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



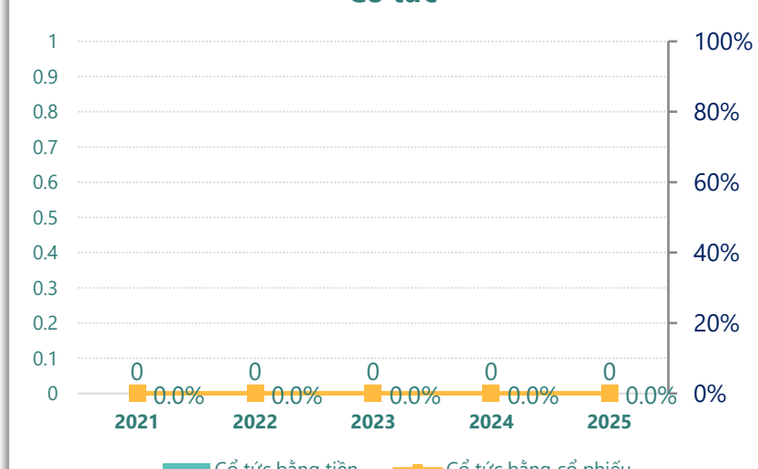
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

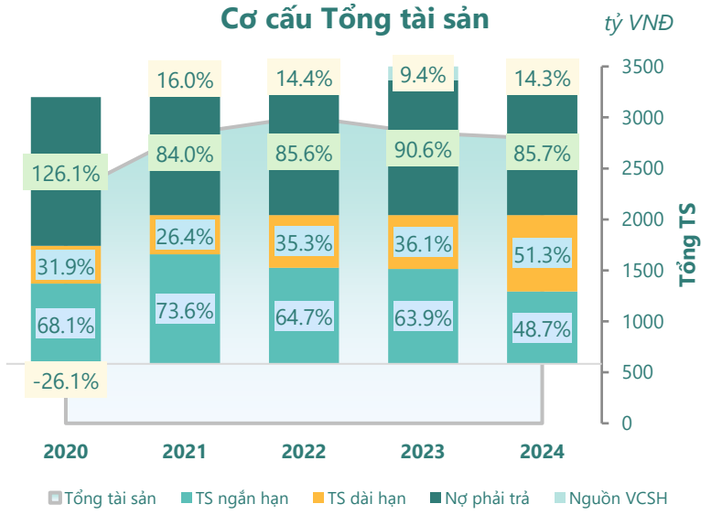
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

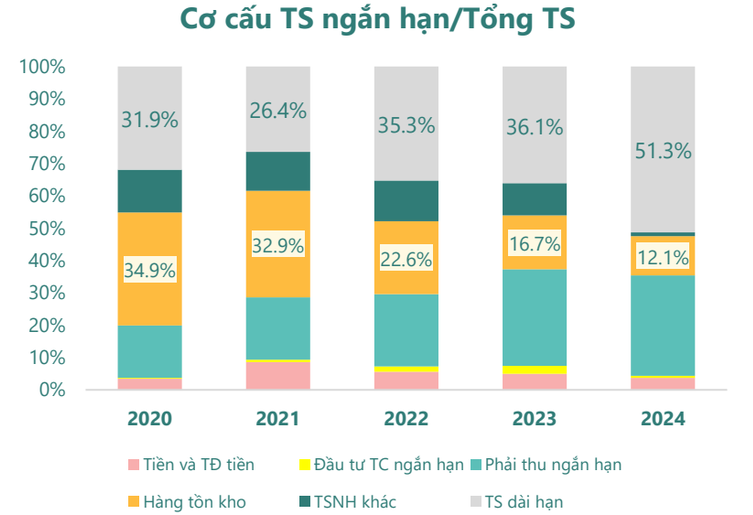
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



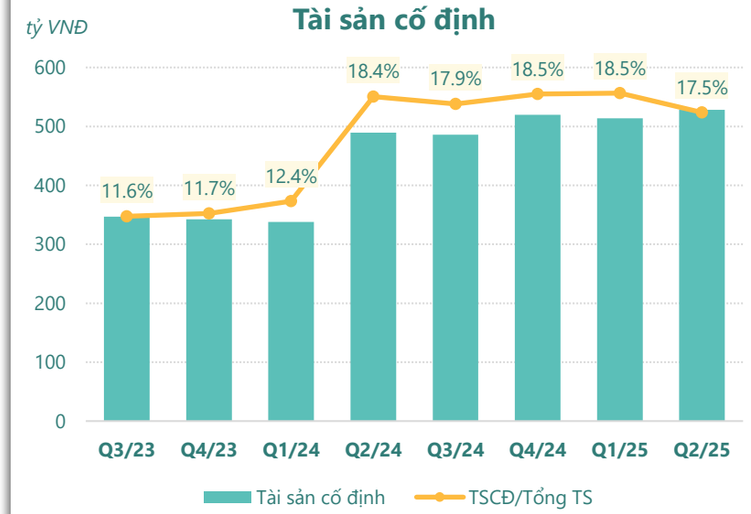
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



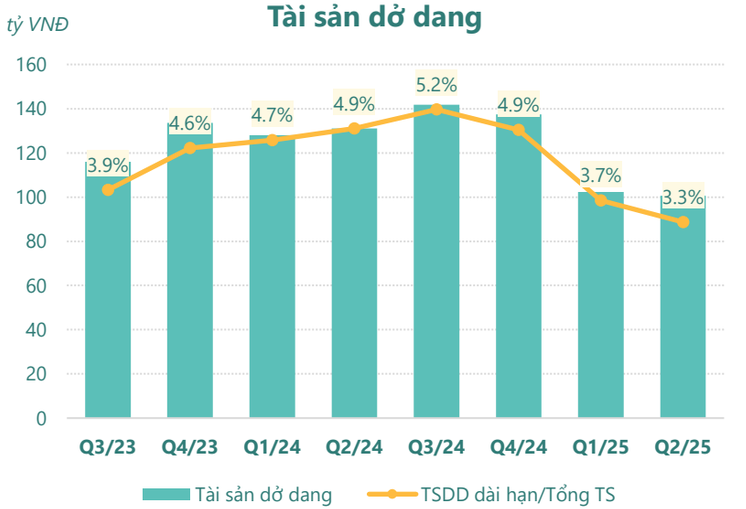
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



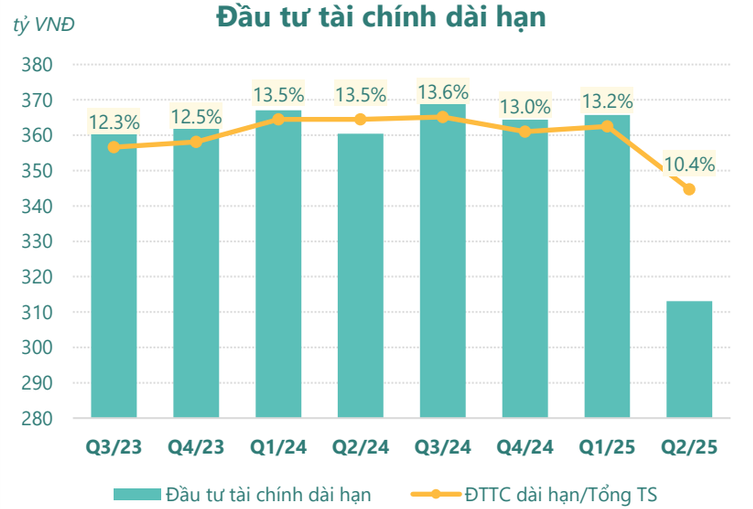
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



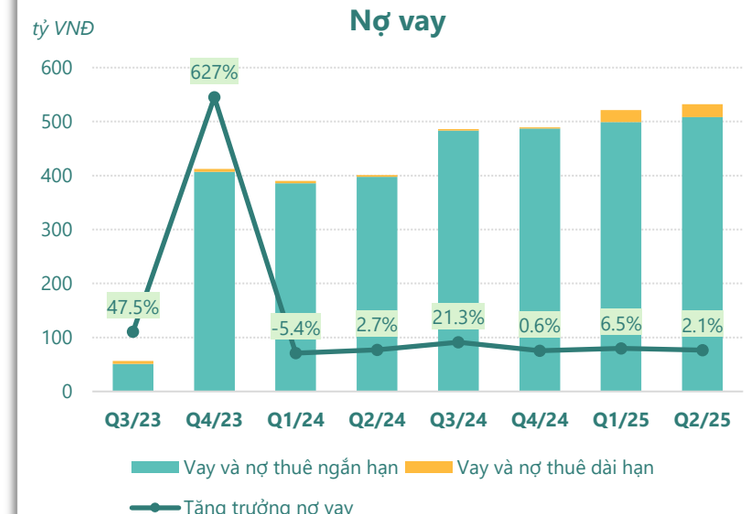
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

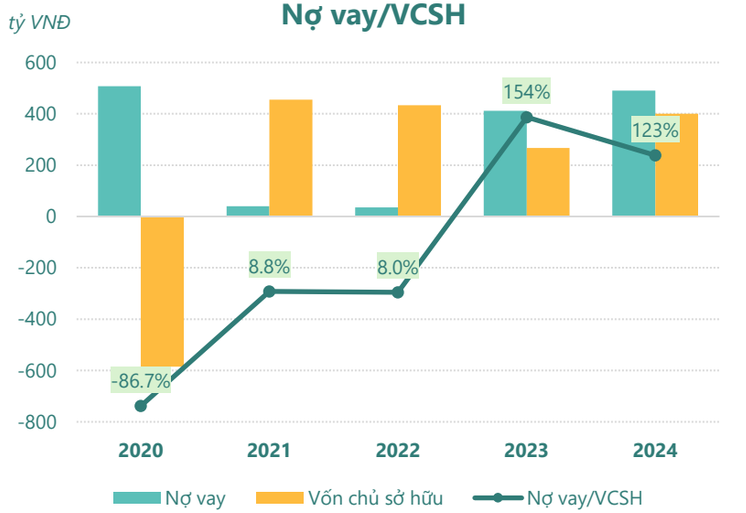
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

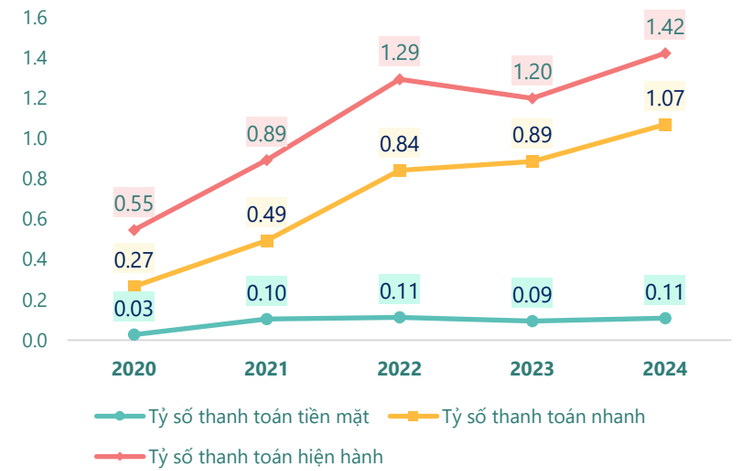
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



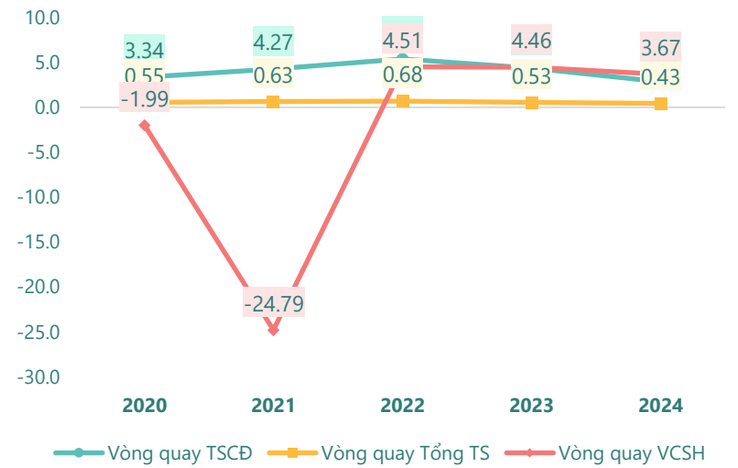
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



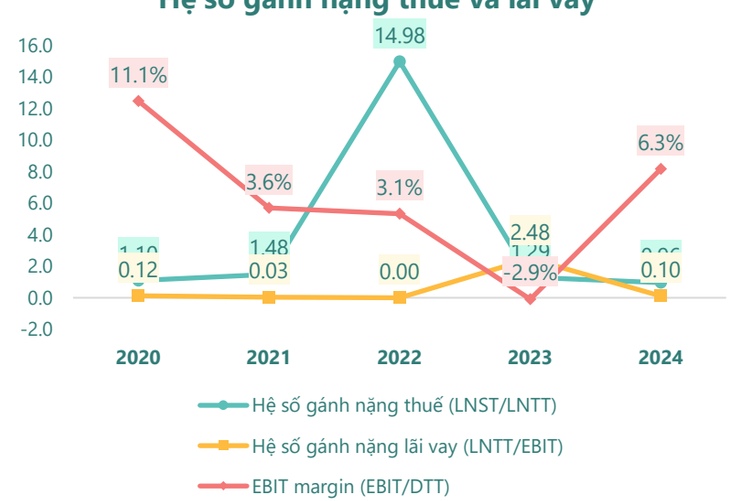
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



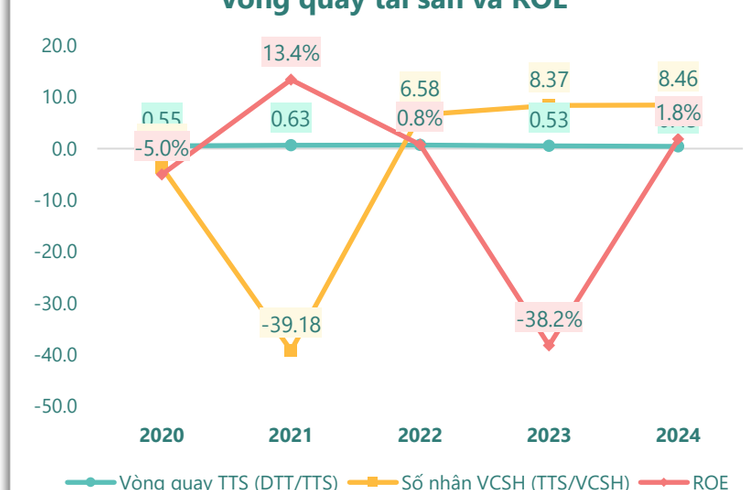
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



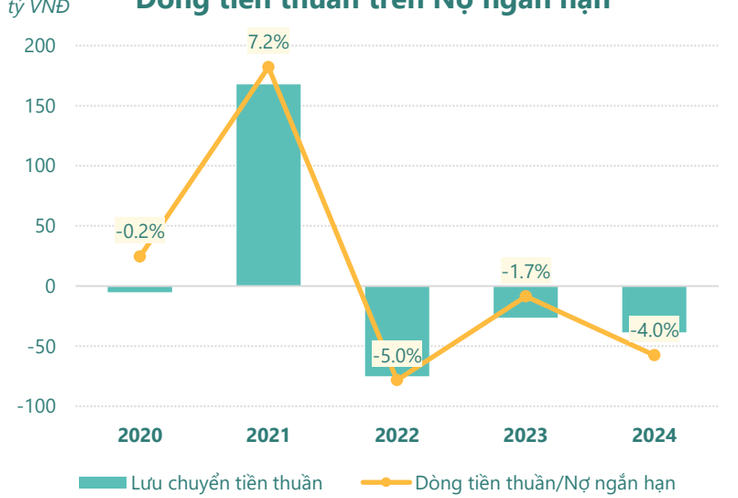
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**237**	**376**	**-36.9%**	**416**	**699**	**-40.5%**
Giá vốn hàng bán	205	312	-34.4%	370	593	-37.6%
Lợi nhuận gộp	32.6	63.8	-49.0%	45.9	106	-56.7%
Doanh thu HĐTC	72.8	8.93	715%	78.0	15.9	392%
Chi phí TC	19.5	20.7	-5.9%	37.1	-3.33	1214%
Chi phí lãi vay	17.8	-20.4	187%	34.1	4.52	656%
LN trong công ty LKLD	**3.80**	**-1.29**	**395%**	**4.06**	**0.02**	**17791%**
Chi phí bán hàng	33.6	27.8	20.7%	59.9	65.4	-8.4%
Chi phí QLDN	**29.1**	**33.2**	**-12.5%**	**56.4**	**58.6**	**-3.7%**
LN thuần từ HĐKD	27.0	-10.2	365%	-25.4	1.29	-2062%
Lợi nhuận khác	**-11.0**	**-0.72**	**-1423%**	**43.0**	**-0.64**	**6839%**
LN trước thuế	16.1	-10.9	248%	17.6	0.65	2589%
Lợi nhuận sau thuế	**3.20**	**-11.5**	**128%**	**4.78**	**0.12**	**3830%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.85**	**-9.55**	**119%**	**5.64**	**-5.45**	**203%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.8	21.0	-8.70	-34.5	53.6	-113
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.1	-2.04	-55.5	11.1	-6.36	138
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.1	-10.6	85.3	2.67	31.2	-11.2
Tiền đầu kỳ	143	96.6	106	126	105	184
Lưu chuyển tiền thuần	**-45.7**	**8.36**	**21.0**	**-20.7**	**78.5**	**13.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.62	0.91	-0.91	0.91	0.49	0.37
Tiền cuối kỳ	96.6	106	126	106	184	198

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,025**	**2,792**	**8.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,586	1,361	16.6%
Tiền và tương đương tiền	198	105	88.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	16.3	206%
Phải thu ngắn hạn	741	867	-14.6%
Hàng tồn kho	550	338	62.8%
Tài sản ngắn hạn khác	47.1	34.2	37.6%
Tài sản dài hạn	**1,439**	**1,432**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	221	179	23.9%
Tài sản cố định	528	515	2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	101	112	-10.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	313	379	-17.3%
Tài sản dài hạn khác	**183**	**144**	**26.7%**
Lợi thế thương mại	93.3	104	-10.2%
Nợ phải trả	2,631	2,393	10.0%
Nợ ngắn hạn	**1,180**	**956**	**23.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	508	467	8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	161	214	-24.5%
Nợ dài hạn	1,451	1,436	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.9	22.8	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**394**	**400**	**-1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**394**	**400**	**-1.4%**
Vốn điều lệ	4,112	4,112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.03**	**0.03**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)